

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO 10 ĐĂNG KÝ THỨ TỰ NGUYỆN VỌNG NHÓM TỔ HỢP MÔN

YÊU CẦU HỌC SINH KIỂM TRA THỨ TỰ NV XEM ĐÚNG CHƯA, NẾU SAI HOẶC MUỐN THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NV THÌ GẶP THẦY ĐẠI ĐỂ ĐIỀU CHỈNH TRƯỚC KHI XẾP LỚP. SĐT THẦY ĐẠI: 0985.176.079

THỜI HẠN THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NGUYỆN VỌNG: CHỦ NHẬT NGÀY 12/07/2026

LƯU Ý: Một số em hs không đăng ký đủ 3 nv, yêu cầu các em đăng ký lại cho đúng quy định của nhà trường

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
1	HS1013975051	Trần Thị Hoài Yên			2	1	3	Nữ	01/05/2011	Kinh	THCS Chu Văn An	Đỗ NV1
2	HS1017371608	Châu Hải Anh	3	3	1	2		Nữ	03/05/2011	Kinh	THCS Chu Văn An	Đỗ NV1
3	HS1026669001868	Trần Khánh Ly	1	2		3		Nữ	24/11/2011	Kinh	THCS Hiệp Bình	Đỗ NV1
4	HS1015640685	Mông Hoàng Thanh Trúc			1	2	3	Nữ	04/02/2011	Tày	THCS Hoàng Văn Thụ	Đỗ NV1
5	HS1015407725	H Mây Niê	1		2		3	Nữ	25/02/2011	Ê-đê	THCS Hùng Vương	Đỗ NV1
6	HS1015199049	Đào Nguyễn Thái Trinh	3		1	2		Nữ	16/06/2011	Kinh	THCS Hùng Vương	Đỗ NV1
7	HS1015407737	Cao Minh Triết	1	3		2		Nam	09/03/2011	Mường	THCS Hùng Vương	Đỗ NV1
8	HS1015407727	H Ngọc Niê	3		1	2		Nữ	29/03/2011	Ê-đê	THCS Hùng Vương	Đỗ NV1
9	HS1014847749	Hoàng Thị Như Quỳnh	3		2	1		Nữ	22/06/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
10	HS1014847600	Y Bảo Niê	3	3	1	2		Nam	28/05/2011	Ê-đê	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
11	HS1014847704	Nguyễn Thị Khánh Na	1	3		2		Nữ	20/01/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
12	HS1014847655	Võ Nguyễn Ngọc Hân			1	3	2	Nữ	16/08/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
16	HS1014847773	Hoàng Thị Ngọc Thuý	3		1	2		Nữ	28/02/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
17	HS1014847739	Trần Thị Thu Phương	3	3	1	2		Nữ	01/11/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
18	HS1014847691	Trịnh Anh Linh	1	3		2		Nam	30/05/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
19	HS1014847709	Vũ Thảo Ngân	1		2	3		Nữ	16/12/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
20	HS1014847700	Trần Phạm Mai Ka	1	2		3		Nữ	23/04/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
21	HS1014847654	Trần Hồ Ngọc Hân	2	1		3		Nữ	14/09/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
22	HS1014847607	Nguyễn Thị Minh Châu			1	2	3	Nữ	22/01/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
23	HS1014847594	Phạm Nguyễn Hà Anh			3	1	2	Nữ	28/05/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
24	HS1014847664	Lê Văn Phi Hùng	1	3	2			Nam	16/07/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
25	HS1014847823	Nguyễn Thái Thùy Linh	3	2	1	3		Nữ	31/05/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
26	HS1014847590	Nguyễn Ngọc Anh	1	2	3			Nữ	26/08/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
27	HS1014847790	Trần Thị Anh Trích	1	2	3			Nữ	15/01/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
28	HS1014847745	Lê Hoàng Quân	1	3	2			Nam	03/05/2011	Kinh	THCS Lê Hồng Phong	Đỗ NV1
29	HS1014869561	Lê Nguyễn Thanh Mai	1	2	1		3	Nữ	05/09/2011	Thô	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
30	HS1014869527	Nguyễn Thị Minh Thư	3	1	2			Nữ	21/11/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
31	HS1014869574	Đinh Nay H' Thùy	1	2	1		3	Nữ	03/05/2010	Gia-rai	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
32	HS1014869579	Nguyễn Trần Gia Nguyên	1	2			3	Nam	09/04/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
33	HS1014869553	Huỳnh Thị Như Quỳnh	2	3	1			Nữ	27/01/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
34	HS1014869548	Huỳnh Ngọc Thư	1			2	3	Nữ	10/03/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
35	HS1014869529	Trần Huyền Diệu	1		3		2	Nữ	28/04/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
36	HS1014869546	Phạm Khánh An	1			2	3	Nữ	16/08/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
37	HS1014869536	Lê Thị Thanh Ngân	1		2		3	Nữ	25/02/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
38	HS1014869547	Chu Ngọc Gia Hân	1	3	2		1	Nữ	07/10/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
39	HS1014869580	Phan Thanh Nhã	1	2			3	Nam	22/10/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
40	HS1014869532	Hoàng Lê Thảo Nguyên	1	2			3	Nữ	07/04/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
41	HS1014869576	Nguyễn Thị Thu Hạnh	1		2		3	Nữ	01/02/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
42	HS1014869596	Nguyễn Minh Trí	1	2		3		Nam	14/02/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
43	HS1014869510	Dương Khánh Ngọc	1		2		3	Nữ	21/01/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
44	HS1014869573	Bùi Thị Thùy Duyên	1		2		3	Nữ	09/04/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
45	HS1014869568	Từ Phương Uyên	1	2	3			Nữ	21/03/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
46	HS1014830383	Nguyễn Cao Trí	1	2	3			Nam	20/09/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
47	HS1014869519	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2	1	3			Nữ	19/04/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
48	HS1014869578	Cao Văn Vương	3		1	2		Nam	09/08/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
49	HS1014869528	Nguyễn Hà Huy Hoàng	3		1	2		Nam	12/01/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
50	HS1014869589	H - Mây Đa Niê			1	3	2	Nữ	11/12/2011	Gia-rai	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
51	HS1014869504	Mai Đình Kim Hằng	1	1	3		2	Nữ	07/01/2011	Mường	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
52	HS1014869515	Bùi Trung Thành	1	2	1		3	Nam	23/07/2011	Mường	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
53	HS1014869598	Lê Trần Kiều Trinh	1	3			2	Nữ	19/01/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
54	HS1014869588	H' Zu En Ni Kpã			1	2	3	Nữ	01/02/2010	Gia-rai	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
55	HS1014869559	Lê Hùng Anh	1	2		1	3	Nam	03/12/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
56	HS1014869516	Phạm Võ Bảo Trân	1		3		2	Nữ	11/10/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
57	HS1014869535	Tiêu Ngọc Gia Hân	1		2		3	Nữ	29/10/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
58	HS1014869566	Phan Lê Bảo Trân	3	2			1	Nữ	06/09/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
59	HS1014869563	Nguyễn Phương Dung	1		2	3		Nữ	12/12/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
60	HS1014869522	Hoàng Đặng Đình Đạt	1		3	2		Nam	09/05/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
61	HS1014869526	Nguyễn Quỳnh Minh Tâm	1	2	3		1	Nữ	10/11/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
62	HS1014869550	Đoàn Duy Bảo An	1		2	3		Nam	09/10/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
63	HS1014869551	Trần Lê Ngọc Huy	1	2		3		Nam	25/11/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
64	HS1014869560	Nguyễn Thị Danh	1	3		2		Nữ	06/07/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
65	HS1014869577	Nguyễn Trần Đăng Việt	1	2		3		Nam	22/02/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
66	HS1014869586	H'qua Ksor			1	3	2	Nữ	23/04/2011	Ê-đê	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
67	HS1014869554	Võ Thành Hiền	3	2			1	Nam	17/01/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
68	HS1014869558	Phạm Văn Phong	3	1	2			Nam	18/08/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
69	HS1014869595	Nguyễn Quốc Duy			2	1	3	Nam	09/08/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
70	HS1014869565	Bùi Quốc Dũng	1	2			3	Nam	24/03/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
71	HS1014869572	Nguyễn Cao Thùy Dương	1		2		3	Nữ	20/11/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
72	HS1014869505	Nguyễn Thành Đạt		1		3	2	Nam	30/11/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
73	HS1014869549	Lê Thị Ngọc Nhi	1	3	2			Nữ	22/09/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
74	HS1014869584	Y Khôi K Sor	3	3	1	2		Nam	12/10/2011	Ê-đê	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
75	HS1014869594	Chu Đình Khôi	3	3	1	2		Nam	08/10/2011	Kinh	THCS Nguyễn Văn Trỗi	Đỗ NV1
77	HSH26241879000014	Thân Hoàng Kiều My	1		3	2		Nữ	05/12/2011	Kinh	TH-THCS Hoàng Hoa Thám	Đỗ NV1
78	HSH26241879000013	Nguyễn Tấn Gia Khánh	1	3		2		Nam	10/09/2011	Kinh	TH-THCS Hoàng Hoa Thám	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
79	HSH2624187900021	Phạm Minh Chiến	1	2		3		Nam	25/07/2011	Kinh	TH-THCS Hoàng Hoa Thám	Đỗ NV1
80	HSH2624187900015	Nguyễn Thị Diệu Linh	3		2		1	Nữ	12/07/2011	Kinh	TH-THCS Hoàng Hoa Thám	Đỗ NV1
81	HSH2624187900022	Nguyễn Văn Hân	1	2	1		3	Nam	14/06/2011	Kinh	TH-THCS Hoàng Hoa Thám	Đỗ NV1
82	HS1014813599	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	1			2	3	Nữ	18/03/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
83	HS1014813604	Nguyễn Thiên Nhật	1	3		2		Nam	13/08/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
84	HS1014813772	Hoàng Kim Ngân	3		2	1		Nữ	08/02/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
85	HS1014813614	Trương Nguyễn Kim Tiến	1	2	3			Nữ	18/08/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
86	HS1014932493	Trương Thị Mai Trang	3		2	1		Nữ	15/10/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
87	HS1014813705	Thái Ngọc Khánh Băng	2		1	3		Nữ	23/01/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
88	HS1014813782	Đặng Thị Minh Thư	3		2	1		Nữ	17/09/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
89	HS1014813722	Nguyễn Gia Khiêm	1	2	3			Nam	01/01/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
90	HS1014813582	Lê Việt Gia Bảo	1	3		2		Nam	03/05/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
91	HS1014813788	Trần Thị Thảo Uyên	1	3		2		Nữ	23/12/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
92	HS1014813779	Lê Hữu Vũ Tân	2	3		1		Nam	09/06/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
93	HS1014813600	Nguyễn Thị Thanh Ngân	1		3	2		Nữ	12/08/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
94	HS1014813592	Trần Gia Huy	1	2	3			Nam	06/04/2011	Mường	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
95	HS1014813747	Đặng Nguyễn Anna	1	2	3			Nữ	08/12/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
96	HS1014813651	Hồ Nguyễn Ái Thương	2			1	3	Nữ	03/07/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
97	HS1014813647	Nguyễn Thị Thu Tâm			2	1	3	Nữ	15/08/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
98	HS1014813685	Trần Lâm Lan Nhi	1	3		2		Nữ	28/08/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
99	HS1014813759	Trần Nhật Tường Huy	1	3		2		Nam	16/05/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
100	HS1019124240	Lê Nguyễn Tường Vi			3	2	1	Nữ	26/02/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
101	HS1014813601	Lê Hoàng Thanh Ngân	1		3	2		Nữ	27/02/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
102	HS1014813618	Châu Vượng Trí	1	2			3	Nam	19/05/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
103	HS1014813755	Nguyễn Quý Ngọc Hân	3			1	2	Nữ	25/11/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
104	HS1018947475	Phan Trần Hoàng Minh	1	2			3	Nam	16/04/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
105	HS1014813695	Võ Bích Trâm			1	2	3	Nữ	25/10/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
106	HS1014813754	Nguyễn Ngọc Diệu Hân		1	3	2		Nữ	18/06/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
107	HS1014813730	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	2	3	1			Nữ	25/10/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
108	HS1014813588	Phạm Lê Gia Hân	3	2			1	Nữ	06/10/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
109	HS1014813776	Phạm Diệu Nhi	1					Nữ	08/11/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
110	HS1014813652	Nguyễn Thị Út Thương	2		3	1		Nữ	21/11/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
111	HS1014813761	Dương Minh Khôi	1	2		3		Nam	05/12/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
112	HS1014813682	Nguyễn Lê Khánh Ngân			1			Nữ	16/03/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
113	HS1014813681	Nguyễn Hồ Thảo My	1		3	2		Nữ	21/03/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
114	HS1014813674	Nguyễn Hồng Bảo Hân		3	1	2		Nữ	01/04/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
115	HS1014813660	Lê Thị Mỹ Uyên	1			2	3	Nữ	03/09/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
116	HS1014813625	Nguyễn Ngọc Ánh	3	2		1		Nữ	28/04/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
117	HS1014813781	Bùi Trần Bảo Thư	1	2			3	Nữ	04/08/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
118	HS1014813619	Mạc Hồ Tiêu Vi	1		3	2		Nữ	05/12/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
119	HS1014813750	Huỳnh Ngọc Hải Đăng		3	2	1		Nam	29/09/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
120	HS1014813669	Nguyễn Thành Đạt	1			2	3	Nam	16/12/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
121	HS1014813662	Nguyễn Đình Bảo Yên		2	1	3		Nữ	09/04/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
122	HS1014813743	Lương Minh Triết	1	2		3		Nam	11/06/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
123	HS1014813753	Hà Mạnh Duy		3	1	2		Nam	10/08/2011	Tày	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
124	HS1014813587	Nguyễn Điền Duy	1	2		3		Nam	04/03/2011	Mường	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
125	HS1014813659	Nguyễn Thị Phương Uyên			2	1		Nữ	14/06/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
126	HS1014813773	Hồ Trọng Nghĩa	1	3		2		Nam	07/03/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
127	HS1014813774	Bùi Trần Thảo Nguyên	2		3	1		Nữ	14/02/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
128	HS1014813703	Lê Nguyễn Tường Vy	2		1	3		Nữ	24/03/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
129	HS1014813778	Trần Lệ Quyên	1			2	3	Nữ	25/10/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
130	HS1014813698	Lê Phạm Bảo Trang	3		1	2		Nữ	06/04/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
131	HS1014813610	Trần Khương Phương Thảo			1	2	3	Nữ	02/06/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
132	HS1014813731	Dương Thị Hằng Ni	2	3	1			Nữ	21/10/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
133	HS1014813641	Thái Đình Nam	1	3	2			Nam	08/08/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
134	HS1014813612	Nguyễn Lê Minh Thùy	2		1		3	Nữ	09/08/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
135	HS1014813767	Ngô Thảo My	1		3		2	Nữ	25/11/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
136	HS1014813603	Nguyễn Trần Bảo Nguyên	1	2		3		Nam	24/06/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
137	HS1014813780	Lê Văn Phúc Thịnh	2			1	3	Nam	19/08/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
138	HS1014813762	Phan Văn Quý Lâm	1		3	2		Nam	26/10/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
139	HS1014813611	Vũ Ngọc Hoàng Thiên	2	3		1		Nam	10/12/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
140	HS1014813615	Đình Bảo Trân	2		1	3		Nữ	04/10/2011	Mường	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
141	HS1014813667	Nguyễn Phùng Quốc Bảo	1	2		3		Nam	05/03/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
142	HS1014813684	Nguyễn Đặng Hương Nhi	1	3		2		Nữ	27/02/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
143	HS1014813707	Nguyễn Như Quỳnh Anh	1	3		2		Nữ	11/04/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
144	HS1014813616	Nguyễn Thị Bảo Trang	1			3	2	Nữ	25/10/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
145	HS1014813671	Lương Minh Đức	1		3		2	Nam	09/10/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
146	HS1014813626	Nguyễn Lâm Tuệ Châu		3	2	1		Nữ	24/02/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
147	HS1014813627	Võ Đình Quốc Đạt	2	1		3		Nam	13/11/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
148	HS1018208365	Ngô Hoàng Nhật		3	1	2		Nam	03/09/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
149	HS1014813653	Lê Hoàng Thu Lệ Thủy		3	2	1		Nữ	07/10/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
150	HS1014813607	Nguyễn Phạm Hoài Phong	1			3	2	Nam	27/02/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
151	HS1014813586	Đỗ Tấn Khánh Dương	1	2		3		Nam	18/03/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
152	HS1014869562	Đoàn Hồ Minh Dũng		1		3	2	Nam	06/07/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
153	HS1014813580	Nguyễn Phan Hoài Anh	1		2		3	Nữ	17/11/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
154	HS1014813608	Quách Thị Hậu Phương	3		1	2		Nữ	19/03/2011	Mường	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
155	HS1013865568	Lưu Minh Thu	2		1		3	Nữ	25/11/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
156	HS1014813591	Nguyễn Gia Huy	1		3	2		Nam	09/12/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
157	HS1014813585	Ngô Tùng Dương	2	3		1		Nam	24/02/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
158	HS1014813771	Trương Hoàng Hạnh Ngân	2		3	1		Nữ	29/11/2011	Tày	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
159	HS1014813713	Nguyễn Tiến Dũng	1	3		2		Nam	03/04/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
160	HS1014813596	Ngô Tùng Lâm	2		3	1		Nam	24/02/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
161	HS1014813725	Lê Nguyễn Lisa	1	3			2	Nữ	17/12/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
162	HS1014813623	Thái Phạm Hoàng Anh	1	3		2		Nam	19/09/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
163	HS1014813664	Phan Lê Kỳ Anh	1		3	2		Nam	21/04/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
164	HS1014813584	Bùi Hương Chi	1			3	2	Nữ	13/09/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
165	HS1014813620	Lê Văn Vũ	1	2			3	Nam	12/08/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
166	HS1014813710	Lê Ngọc An Bình	1	3			2	Nữ	05/12/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
167	HS1014813636	Võ Trọng Khải	1	2		3		Nam	09/05/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
168	HS1014813706	Nguyễn Ngọc Bảo An	1			2	3	Nữ	07/07/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
169	HS1014813617	Trần Vũ Quỳnh Trang	1	2		3		Nữ	24/11/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
170	HS1014813701	Lê Anh Tuấn	3	1			2	Nam	31/01/2011	Mường	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
171	HS1014813656	Mai Kiều Trinh	1	2			3	Nữ	02/12/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
172	HS1014813736	Trần Tiến Quang	2	3		1		Nam	29/04/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
173	HS1014813637	Phạm Năng Quốc Khánh	2			1		Nam	28/09/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
174	HS1014813763	Phạm Thị Lê	1	2		3		Nữ	20/07/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
175	HS1014813718	H' Bảo Trân Hmök	2			1	3	Nữ	21/03/2011	Ê-đê	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
176	HS1014813740	Nguyễn Ngọc Khánh Thy	1	2		3		Nữ	19/06/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
177	HS1014813716	Lê Khánh Hiền	3		1	2		Nữ	15/09/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
178	HS1014813745	Võ Nguyễn Hà Vy	1	2		3		Nữ	27/04/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
181	HS1014813733	Vũ Nhân Chấn Phong	1	3		2		Nam	13/04/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
182	HS1014813605	Nguyễn Thị Yến Nhi	1			2	3	Nữ	20/07/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
183	HS1014813643	Trần Mai Như	1			2		Nữ	09/07/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
184	HS1014813687	Vũ Trần Quỳnh Như	1	2			3	Nữ	21/09/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
185	HS1014813709	Nguyễn Ngọc Ánh	1	3		2		Nữ	17/11/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
186	HS1014813748	Phạm Trần Gia Bảo	2	3		1		Nam	11/04/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
187	HS1014813613	Trần Thị Thùy			1	2	3	Nữ	25/03/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
189	HS1021201351	Nguyễn Anh Khoa		2		1	3	Nam	09/01/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
190	HS1014813639	Trần Tường Mẫn	1			2	3	Nữ	20/05/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
191	HS1014813689	Lê Đức Phú	1			2	3	Nam	26/03/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
192	HS1014813777	Trần Thị Hà Phương			2	1	3	Nữ	29/09/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
193	HS1014813739	Diệp Chân Lê Thùy	1	3		2		Nữ	25/05/2011	Kinh	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
195	HS1014813609	Đặng Thị Như Quỳnh	1	3		2		Nữ	01/07/2011	Dao	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
196	HS1014813696	Đinh Thị Bảo Trân	3		1	2		Nữ	11/11/2011	Mường	Trung học cơ sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
197	HS1014213723	H Duky Ksor			1	2	3	Nữ	04/06/2011	Ê-đê	TRƯỜNG PHÓ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYỆN EA HLEO	Tuyển thẳng
198	HS1014213733	Ksor H' Quỳnh	3		2	1		Nữ	06/05/2011	Gia-rai	TRƯỜNG PHÓ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYỆN EA HLEO	Tuyển thẳng
199	HS1014213736	Triệu Thị Anh Thư			1	2	3	Nữ	04/03/2011	Dao	TRƯỜNG PHÓ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYỆN EA HLEO	Tuyển thẳng
200	HS1014213734	H' Saly Niê			1	2	3	Nữ	10/01/2011	Ê-đê	TRƯỜNG PHÓ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYỆN EA HLEO	Tuyển thẳng
201	HS1014213724	Ksor H' Luyến			1	2	3	Nữ	02/07/2011	Ê-đê	TRƯỜNG PHÓ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYỆN EA HLEO	Tuyển thẳng
202	HS1014213717	Y E'van Ksor	3		1		2	Nam	19/02/2011	Ê-đê	TRƯỜNG PHÓ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYỆN EA HLEO	Tuyển thẳng
203	HS1014213714	Ksor Đạt		2	1		3	Nam	12/01/2011	Ê-đê	TRƯỜNG PHÓ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYỆN EA HLEO	Tuyển thẳng
204	HS1014213713	Nông Lương Diễm Chi	1	2		3		Nữ	20/07/2011	Nùng	TRƯỜNG PHÓ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYỆN EA HLEO	Tuyển thẳng
205	HS1014213719	Ngô Văn Bảo Huy	1	3		2		Nam	22/11/2011	Mường	TRƯỜNG PHÓ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYỆN EA HLEO	Tuyển thẳng
206	HS1014213727	Đặng Thị Lệ Nguyên	3		1	2		Nữ	02/04/2011	Kinh	TRƯỜNG PHÓ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYỆN EA HLEO	Tuyển thẳng
207	HS1014213725	Đặng Sa Len Na	3		1		2	Nữ	19/09/2011	Dao	TRƯỜNG PHÓ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYỆN EA HLEO	Tuyển thẳng
208	HS1014213743	Nay Y Việt		3	1	2		Nam	25/04/2011	Ê-đê	TRƯỜNG PHÓ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ HUYỆN EA HLEO	Tuyển thẳng
209	HSH26241879000040	Ksor H' Bách Diệp	3		1	2		Nữ	08/03/2011	Gia-rai	Trường TH - THCS Nơ Trang Gùh	Đỗ NV1
210	HSH26669000610	Nguyễn Đình Đức		2	3	1		Nam	20/01/2011	Kinh	Trường TH -THCS Lê Lai	Đỗ NV1
211	HSH26669000591	Huỳnh Công Huy	1	3		2		Nam	01/01/2011	Kinh	Trường TH -THCS Lê Lai	Đỗ NV1
212	HSH26669000619	Vũ Tiến Trường	1	2		3		Nam	02/03/2011	Kinh	Trường TH -THCS Lê Lai	Đỗ NV1
213	HSH26669000626	Võ Duy Thương	1	2			3	Nam	11/06/2011	Kinh	Trường TH -THCS Lê Lai	Đỗ NV1
214	HSH26669000582	Nguyễn Hồng Quân	1	3		2		Nam	18/07/2011	Kinh	Trường TH -THCS Lê Lai	Đỗ NV1
215	HSH26669000620	Mai Thị Ngọc Yến	1	2			3	Nữ	14/08/2011	Kinh	Trường TH -THCS Lê Lai	Đỗ NV1
216	HSH26669000593	Trịnh Nguyễn Khánh Hội	1	2		3		Nam	03/06/2011	Kinh	Trường TH -THCS Lê Lai	Đỗ NV1
217	HSH26669000585	Lê Trương An Nguyên		3	2	1		Nam	12/05/2011	Kinh	Trường TH -THCS Lê Lai	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
218	HSH26669000594	Hoàng Thị Gia Hân		3	1		2	Nữ	08/01/2011	Nùng	Trường TH -THCS Lê Lai	Đỗ NV1
219	HSH26669000581	Trương Anh Quân	1	3		2		Nam	09/12/2011	Kinh	Trường TH -THCS Lê Lai	Đỗ NV1
221	HS1018947448	Nguyễn Hoàng Long	1	2			3	Nam	09/11/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS Bé Văn Đàn	Đỗ NV1
222	HS1018947489	Lê Hải Yến		2	1		3	Nữ	10/07/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS Bé Văn Đàn	Đỗ NV1
223	HS1018947485	Hoàng Thị Yến Nhi		1		2		Nữ	09/11/2011	Tày	TRƯỜNG THCS Bé Văn Đàn	Đỗ NV1
224	HS1018947483	Triệu Huyền Trang	2	1			3	Nữ	15/08/2011	Nùng	TRƯỜNG THCS Bé Văn Đàn	Đỗ NV1
225	HS1018947480	Nguyễn Thị Thuỳ Nhung		1		2		Nữ	01/04/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS Bé Văn Đàn	Đỗ NV1
226	HS1018947501	Trần Nguyễn Văn Sỹ	3	1		2		Nam	29/06/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS Bé Văn Đàn	Đỗ NV1
227	HS1018947484	Mã Thị Ngọc Hân	3		2	1		Nữ	09/01/2011	Nùng	TRƯỜNG THCS Bé Văn Đàn	Đỗ NV1
228	HSH26241339003130	Trương Võ Khánh Thi	2		1	3		Nữ	13/07/2011	Mường	Trường THCS Hùng Vương	Đỗ NV1
229	HS1015015249	Trương Nam Khang	1		2		3	Nam	14/08/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
230	HS1015015225	Kpã H' Chung	3		2	1		Nữ	17/10/2011	Ê-đê	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
231	HS1015015202	Ksor H' Kiêu Ân			1	2	3	Nữ	07/12/2011	Ê-đê	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
232	HS1015015262	Nguyễn Trọng Nam	1	2	3			Nam	20/06/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
233	HS1015015110	Tạ Phúc Bảo Trâm	1			3	2	Nữ	11/07/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
234	HS1015015117	Đoàn Viết Dũng	2			1		Nam	02/02/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
235	HS1015015136	Phan Hoàng Bảo Linh	1			2	3	Nữ	09/09/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
236	HS1015015096	Tướng Nhất Huy	1	2	3			Nam	07/03/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
238	HS1015015254	Hoàng Thị Anh Thu	2		3	1		Nữ	04/06/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
239	HS1015015221	Nguyễn Trường Vy	1	2		3		Nữ	20/10/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
240	HS1015015161	Đỗ Thị Thu Phương	1	2		3		Nữ	14/01/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
241	HS1015015179	Nguyễn Thị Minh Phương		3	2		1	Nữ	12/05/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
242	HS1015015138	Lưu Đức Nguyên	1	2		3		Nam	12/01/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
243	HS1015015095	Trần Bảo An	2		1		3	Nam	11/02/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
244	HS1015015198	Lê Việt Tân	1	3		2		Nam	25/09/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
245	HS1015015200	Lê Hồ Duy Mạnh	1	3		2		Nam	20/09/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
246	HS1015015220	Nguyễn Thành Nhân	1	3		2		Nam	15/01/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
247	HS1015015165	Đào Đức Kiên	1	3	2			Nam	07/03/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
248	HS1023762997	Ngô Duy Hoàng	1		3	2		Nam	16/07/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
249	HS1015015201	Trần Quang Tú	1	2	3			Nam	14/05/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS LÊ LỢI	Đỗ NV1
251	HS1014893960	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	2			1		Nữ	30/04/2011	Kinh	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	Đỗ NV1
252	HS1017378875	Hoàng Thị Minh Hằng	1	3		2		Nữ	09/01/2011	Nùng	TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU	Đỗ NV1
253	HS1014158179	Trịnh Thị Bích Trâm	1	2				Nữ	20/04/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU	Đỗ NV1
254	HS1014869534	Nguyễn Mai Trúc	3		2	1		Nữ	17/10/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU	Đỗ NV1
255	HS1014830269	Nguyễn Hoàng Đức	1	3		2		Nam	18/01/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU	Đỗ NV1
256	HS1014830243	Phùng Thị Ngọc Hạnh			1	2	3	Nữ	19/03/2011	Kinh	TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU	Đỗ NV1
257	HS1017530879	Nguyễn Thị Thanh Tâm		3	2	1		Nữ	27/07/2011	Kinh	Trường THCS Trần Phú	Đỗ NV1
258	HS1017530972	Phạm Thị Sơn Anh			3	1	2	Nữ	28/11/2011	Kinh	Trường THCS Trần Phú	Đỗ NV1
259	HS1017530818	Hoàng Ngọc Anh	1		2		3	Nam	20/01/2011	Nùng	Trường THCS Trần Phú	Đỗ NV1
260	HS1014746742	Trần Hải Đăng	1		3	2		Nam	23/10/2011	Kinh	Trường THCS và THPT Đông Du	Đỗ NV1
261	HS1017152301	Võ Ngọc Toàn	1					Nam	18/04/2011	Mường	Trường THCS và THPT Đông Du	Đỗ NV1
262	HS1013970521	Nguyễn Quỳnh Mai	3	2			1	Nữ	08/03/2011	Kinh	Trường THCS Vừ A Dính	Đỗ NV1
263	HS1015199063	Nông Mộng Thùy Trang	2	1		3		Nữ	28/10/2011	Nùng	Trường THCS Vừ A Dính	Đỗ NV1
264	HS1015199079	Nguyễn Bội Bội	3	2			1	Nữ	20/03/2011	Kinh	Trường THCS Vừ A Dính	Đỗ NV1
265	HS1015199059	Linh Tiến Đạt			1	2		Nam	26/04/2011	Nùng	Trường THCS Vừ A Dính	Đỗ NV1
266	HS1013970520	Nguyễn Thúc Hiền	1	2		3		Nam	14/01/2011	Kinh	Trường THCS Vừ A Dính	Đỗ NV1
267	HS1014158227	Hoàng Danh Ngọc			1	2	3	Nam	23/02/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
268	HS1014158145	Lê Bảo Lâm	2	3			1	Nam	23/03/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
269	HS1014158151	Tô Dương Ngọc	2		1	3		Nữ	22/11/2011	Nùng	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
270	HS1014158233	Đặng Thị Ngọc Hoa			1	2	3	Nữ	07/08/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
271	HS1014158153	Nay Y Rey Ny		2	3	1		Nam	09/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
272	HS1014158143	Đặng Bảo Khang	2	3		1		Nam	06/06/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
273	HS1014158230	Đình Thu Hằng		1	2			Nữ	22/06/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
274	HS1014158196	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	1	2	3			Nữ	28/01/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
275	HS1014158259	Phan Trọng Tâm	1	2		3		Nam	30/06/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
276	HS1014158234	Miô Y Fa Ny			2	1		Nam	05/03/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
277	HS1014158246	Lê Thị Thanh Thảo		1	3		2	Nữ	13/07/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
278	HS1014158170	Nay H' Mê Lan	1		2		3	Nữ	21/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
279	HS1014158149	Niê H La Na			1	3	2	Nữ	29/04/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
280	HS1014158243	Niê H' Mí Sa	2		1	3		Nữ	18/05/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
281	HS1014158192	Nguyễn Trịnh Thảo Nga	1		2		3	Nữ	12/07/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
282	HS1014158136	Ksor H' Di			2	1	3	Nữ	25/09/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
283	HS1014158181	Trương Thủy Tiên	1		2		3	Nữ	24/09/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
284	HS1014158201	Trần Lê Tuấn Anh	2		1	3		Nam	22/10/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
285	HS1014158158	Nguyễn Bảo Thy	3		1	2		Nữ	24/08/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
286	HS1014158277	Niê Y Bi Da			2	1	3	Nam	24/05/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
287	HS1014158138	Nay H' Hải		3	2	1		Nữ	08/04/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
288	HS1014158174	Bàn Thị Ngọc Uyên	1		2		3	Nữ	09/12/2011	Dao	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
289	HS1014158157	Trần Ngọc Anh Thư	2		1		3	Nữ	02/09/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
290	HS1014158256	Ksor H' Ương			1			Nữ	19/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
291	HS1014158232	H Zuyên Niê	1		3		2	Nữ	28/02/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
292	HS1014158206	Nay Y Bôrin		2		1	3	Nam	20/12/2009	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
293	HS1014158254	Adrong Y Tương	1		2			Nam	19/03/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
294	HS1014158248	Kpã Y Thơ	3		2	1		Nam	17/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
295	HS1014158229	Niê H' Như	2		1	3		Nữ	11/04/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
296	HS1014158160	Adrong Phạm Pi Tơ			1	2	3	Nam	03/09/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
297	HS1014158141	Lý Thị Hương			1	2	3	Nữ	20/09/2011	Dao	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
298	HS1014158146	Lê Hoàng Thủy Linh	2		1		3	Nữ	22/02/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
299	HS1014158274	Adrong H' My		2	1	3		Nữ	23/10/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
300	HS1014158173	Ksor Ngân Xuyên		2	1	3		Nữ	21/10/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
301	HS1014158161	Lê Thanh Tùng		3	1	2		Nam	16/10/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
302	HS1014158148	Y Rôva Mlô	2			1	3	Nam	27/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
303	HS1014158178	Phan Ngọc Bảo Trân	1		2	3		Nữ	08/07/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
304	HS1014158191	Lê Nguyễn Trúc Nguyên	2	1				Nữ	12/12/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
305	HS1014158209	Kpã H' Bích		3	1	2		Nữ	06/02/2011	Gia-rai	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
306	HS1014158135	Ayun Y Đan	1	2	3			Nam	27/06/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
307	HS1014158244	Niê H' Lư			2	1	3	Nữ	18/07/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
308	HS1014158253	Adrong H' Tuệ		3	1	2		Nữ	24/07/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
309	HS1014158252	Nay H' Uyên Mi	3		2	1		Nữ	23/12/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
310	HS1014158242	H' Kiều Ksor			2	1	3	Nữ	01/08/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
311	HS1014158240	H' Sen Ksor			2	1	3	Nữ	01/08/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
312	HS1014158224	Kpã H' Ru Na	2		1	3		Nữ	13/03/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
313	HS1014158264	Rcãm H' Tuyết	3		1	2		Nữ	22/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
314	HS1014158245	Lê Thị Như Tâm			1	2	3	Nữ	11/01/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
315	HS1014158200	Niê H' Ani	3		1	2		Nữ	20/09/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
316	HS1023755270	Phan Nguyễn Như Ý			1	2	3	Nữ	22/09/2010	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
317	HS1014158182	Ksor H' Thuyên			1	2	3	Nữ	04/02/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
318	HS1014158217	Nay H' Hạnh	3		2	1		Nữ	18/12/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
319	HS1013001186	Kpã Y Za Kôp			2	1	3	Nam	04/03/2010	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
320	HS1014158236	Niê Y Ri Ô	3		1	2		Nam	03/11/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
321	HS1014158213	Adrong H' Chư	1	2	3			Nữ	28/05/2010	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
322	HS1014158159	Niê Y Tim	2			1	3	Nam	14/04/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
324	HS1014158215	Niê Y Damse	1	2	3			Nam	09/04/2010	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
325	HS1013001094	Kpã Y Jan		3	1	2		Nam	19/03/2010	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
326	HS1014158212	Niê Y Ly Doanh	2			1	3	Nam	24/02/2010	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
327	HS1017386758	Trần Nguyễn Kim Duyên	3		2	1		Nữ	16/07/2011	Kinh	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
328	HS1014158187	Kpã H' Ne Ra	2	3	1			Nữ	21/01/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
329	HS1014158154	Nay Kiều Cao Oanh	2	3		1		Nữ	26/06/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
330	HS1014158162	Niê Y Su Uyn	1	2	3			Nam	29/08/2011	Ê-đê	Trường THCS Y Jút	Đỗ NV1
332	HSH26242089000018	H' Dai Niê	3		1	2		Nữ	06/04/2011	Ê-đê	Trường TH-THCS Đam San	Đỗ NV1
333	HSH26242089000028	H' Luyn Adrong			1	2	3	Nữ	09/11/2011	Ê-đê	Trường TH-THCS Đam San	Đỗ NV1
334	HSH26242089000025	H' Doanh Doanh Adrong			1	2	3	Nữ	09/12/2011	Ê-đê	Trường TH-THCS Đam San	Đỗ NV1
335	HSH26242089000006	Bùi Quốc Việt			2	1		Nam	20/03/2011	Mường	Trường TH-THCS Đam San	Đỗ NV1
336	HSH26242089000021	H' Bức Mjao			1	3	2	Nữ	07/07/2011	Ê-đê	Trường TH-THCS Đam San	Đỗ NV1
337	HSH26242089000007	Nguyễn Thương Thảo	3		2	1		Nữ	24/08/2011	Kinh	Trường TH-THCS Đam San	Đỗ NV1
338	HSH26242089000017	H' Li Zi Niê			1	3	2	Nữ	06/01/2011	Ê-đê	Trường TH-THCS Đam San	Đỗ NV1
339	HSH26242089000008	Nguyễn Huỳnh Tuyết Sương	3	1			2	Nữ	11/04/2011	Kinh	Trường TH-THCS Đam San	Đỗ NV1
340	HSH26242089000032	H' Blép Niê			1	2	3	Nữ	05/09/2011	Ê-đê	Trường TH-THCS Đam San	Đỗ NV1
341	HS1014813678	Chu Minh Khôi	1			2	3	Nam	28/03/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
342	HS1014813704	Nguyễn Lê Tường Vy	3		1	2		Nữ	21/03/2011	Nùng	Trường Trung Học Cơ Sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
343	HS1014813657	Châu Ksor Chí Trọng	1	3		2		Nam	15/03/2011	Gia-rai	Trường Trung Học Cơ Sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
344	HS1014813675	Phan Huỳnh Vinh Hiền	1	3		2		Nam	22/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
345	HS1014813700	Đặng Anh Tú	1			2	3	Nam	21/11/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
346	HS1014813741	Lâm Nhật Tiến		1		2	3	Nam	08/04/2011	Mường	Trường Trung Học Cơ Sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
347	HS1014813764	Nguyễn Hoàng Phương Linh	1	2		3		Nữ	20/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Lê Quý Đôn	Đỗ NV1
348	HS1014746810	Ngô Thế Bảo	1	2			3	Nam	13/10/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
349	HS1014746760	Trương Minh Hiếu			1	2	3	Nam	22/05/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
350	HS1014746730	Võ Trường Giang	1		3	2		Nam	06/05/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
351	HS1014746757	Nguyễn Trần Thảo Ly	2			1	3	Nữ	19/05/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
352	HS1014746701	Phạm Nguyên Bảo	3	1			2	Nam	15/08/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
353	HS1014746735	Lê Đỗ Hoàng Minh	1	3		2		Nam	24/03/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
354	HS1014048678	Trịnh Lý Gia Huy	1	3		2		Nam	17/04/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
355	HS1014746737	Nguyễn Võ Chí Công	1	2			3	Nam	12/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
356	HS1014746750	Nguyễn Phạm Minh Thương	2		1	3		Nữ	03/05/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
357	HS1014746764	Hồ Thị Thúy Lan		3	2	1		Nữ	06/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
358	HS1014746691	Ngô Gia Vĩnh Khánh	3		1	2		Nam	20/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
359	HS1014746767	H' Za Ri Miô	3		1	2		Nữ	28/06/2011	Ê-đê	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
360	HS1014048685	Trần Khôi Nguyên	1	3		2		Nam	15/08/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
361	HS1014746752	Võ Thị Bảo Trâm	2			1	3	Nữ	21/10/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
362	HS1014746784	Đặng Quỳnh An	1		2	3		Nữ	17/11/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
363	HS1014746729	Đặng Bảo Tuệ	3		2		1	Nữ	16/08/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
364	HS1014746741	Nguyễn Bá Thức	1		3	2		Nam	03/11/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
365	HS1014746829	Nguyễn Tường Vy	1			2	3	Nữ	07/11/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
366	HS1014048664	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	2			1	3	Nữ	22/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
367	HS1014746710	Lê Diên Minh Khôi	1	2			3	Nam	02/10/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
368	HS1014746705	Võ Chí Đồng	1	3		2		Nam	16/11/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
369	HS1014746765	Trần Thanh Hiền	1	3		2		Nữ	03/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
370	HS1014048657	Nguyễn Hoàng Gia Nguyên	1	3		2		Nam	27/04/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
371	HS1014746694	Nguyễn Ngọc Phương Anh	1		2	3		Nữ	24/07/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
372	HS1014746716	Lê Thương Tây Nguyên	3	2	1			Nữ	16/02/2011	Tày	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
373	HS1014746759	Trần Tuấn Ngọc	1			3	2	Nam	14/10/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
374	HS1014746718	Nguyễn Trần Khánh Ngọc	2			1	3	Nữ	19/12/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
375	HS1014746688	Nguyễn Diễm Ny	1	3		2		Nữ	01/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
376	HS1014746700	Lương Tuệ Mẫn	1			3	2	Nữ	23/11/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
377	HS1014048676	Trần Bảo Trân	1	3		2		Nữ	19/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
378	HS1014746707	Trần Đăng Huy	3	2		1		Nam	15/10/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
379	HS1014746782	Nguyễn Thị Yến Nhi	1		2		3	Nữ	16/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
380	HS1014746761	Bùi Quốc Bảo			1	2	3	Nam	08/07/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
381	HS1014746797	Cao Gia Huy			3	1	2	Nam	04/04/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
382	HS1014048686	Y' Jim Mi Adrong			1	2	3	Nam	18/08/2011	Ê-đê	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
383	HS1014746738	Đoàn Minh Đức	1	2		3		Nam	24/09/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
384	HS1014746811	H' Hiên Ry Niê		2	1	3		Nữ	05/06/2011	Ê-đê	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
385	HS1017983031	Trần Quế Anh	1	3		2		Nữ	18/03/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
386	HS1014048669	Trương Ngọc Nguyên Thịnh	2	3		1		Nam	10/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
387	HS1014746722	Lê Minh Thịnh	1	3		2		Nam	24/03/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
388	HS1014048693	Nguyễn Thanh Trúc	3	1			2	Nữ	20/12/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
389	HS1014746697	Phạm Dương Bảo Uyên		1		3	2	Nữ	26/08/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
390	HS1014746734	Trần Uyên Phương	2	3			1	Nữ	24/07/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
391	HS1014048671	Vũ Huỳnh Ngọc Diệp	1	3			2	Nữ	16/11/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
392	HS1014746704	Bùi Nguyên Vũ	1	3		3		Nam	08/11/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
393	HS1014746815	H' Ánh Niê	1		2	3		Nữ	19/07/2010	Gia-rai	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
394	HS1014746826	Nguyễn Ngọc Bảo Trân			1	2	3	Nữ	22/03/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
395	HS1014746798	Phạm Chấn Khang	1	3		2		Nam	18/11/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
396	HS1014746713	Bùi Xuân Thị	1			2	3	Nữ	04/04/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
397	HS1014746792	Trần Quốc Tuấn	1	2		3		Nam	11/07/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
398	HS1014746748	Huỳnh Phạm Gia Hân	2		1		3	Nữ	14/10/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
399	HS1014746777	Trần Nhật Hải	1	3			2	Nam	26/07/2010	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
400	HS1014048674	Trần Khánh Ly	1		2		3	Nữ	21/07/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
401	HS1014048661	Trần Phước	2	1			3	Nam	14/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
402	HS1014746685	Phạm Quang Hưng	2	3		1		Nam	02/09/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
403	HS1014746686	Nguyễn Trường Bách	2			1		Nam	25/03/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
404	HS1014048662	Trần Huy Dũng	1	2			3	Nam	10/12/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
405	HS1014048673	Mai Gia Hân	1		3	2		Nữ	01/04/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
406	HS1014746692	Đặng Duy Quân	1			2	3	Nam	24/08/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
407	HS1014048668	Phùng Ngọc Pha Lê	1		3	2		Nữ	15/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
408	HS1014746683	Trần Gia Huy	1	3		2		Nam	13/05/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
409	HS1014048670	Lê Trâm Anh		2		3	1	Nữ	12/11/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
410	HS1014048688	Trần Tuấn Dũng	3		1	2		Nam	28/10/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
411	HS1014746773	Phạm Gia Huy	2				1	Nam	29/10/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
412	HS1014746698	Nguyễn Lương Thiên Nga	1	2	3			Nữ	05/05/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
413	HS1014746712	Phạm Thảo Nhi	1			2	3	Nữ	25/03/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
414	HS1014048689	Ksor Y Sa Ki	2	1		3		Nam	20/04/2011	Ê-đê	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
415	HS1014746693	Đặng Nguyên Thành Ý	1		2	3		Nam	14/02/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
416	HS1014746709	Bùi Tuấn Anh		2	1		3	Nam	07/04/2011	Mường	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
417	HS1014746749	Dương Hoài Kiều Diễm	2	3		1		Nữ	05/08/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
418	HS1014746708	Phạm Trà My	1	3			2	Nữ	22/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
419	HS1014746783	Phạm Thị Thảo	1			3	2	Nữ	29/12/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
420	HS1014746791	Đỗ Hải Quỳnh	3		2	1		Nữ	24/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
421	HS1014746728	Ngô Thành Nhật	1	2			3	Nam	24/04/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
422	HS1014746746	Nguyễn Lê Yến Vy	2			1	3	Nữ	12/04/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
423	HS1014746756	Nguyễn Công Nhật	1	3			2	Nam	06/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
424	HS1014746758	Trần Cẩm Tú	3		2	1		Nữ	14/02/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
425	HS1014048663	Nguyễn Lê Dạ Thảo	1		3	2		Nữ	22/08/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
426	HS1014746776	Ngô Anh Khoa	1		2	3		Nam	07/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
427	HS1014746727	Nguyễn Duy Thành	1	2			3	Nam	09/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
428	HS1014746827	Ngô Mai Duyên			1	3	2	Nữ	26/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
429	HS1014746788	Đậu Thị Hải Yến	1		2	3		Nữ	05/12/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
430	HS1014746743	Vũ Thanh Hà	1		2	3		Nữ	25/10/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
431	HS1014746714	Nguyễn Tiến Dũng	2	3			1	Nam	27/09/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
432	HS1014746740	Phạm Uyên Nhi	2			1	3	Nữ	21/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
433	HS1014746695	Nguyễn Hải Anh	1	2			3	Nữ	14/08/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
434	HS1014746696	Phạm Nguyễn Anh Thư		3		1	2	Nữ	14/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
435	HS1014746723	Phương Bảo Sâm	1		3	2		Nam	24/12/2011	Nùng	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
436	HS1014746721	Nguyễn Thị Linh Chi		3	1	2		Nữ	15/10/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
437	HS1014746731	Đặng Thiên Kim	1	3			2	Nữ	09/04/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
438	HS1014746747	Nguyễn Võ Cẩm Vy	2			1	3	Nữ	14/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
439	HS1014746781	Nguyễn Tú Quyên		3	2		1	Nữ	07/08/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
440	HS1014048666	Lê Nguyễn Kim Anh	1		2	3		Nữ	27/04/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
441	HS1014746812	Kpã Y Bim			1	2	3	Nam	07/06/2011	Ê-đê	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
442	HS1014746739	H Liza Ayün Ksor			1	3	2	Nữ	22/09/2011	Ê-đê	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
443	HS1022125423	Lê Trí Đức	3		1	2		Nam	20/08/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
444	HS1014746775	Nguyễn Gia Tuệ	1		2		3	Nữ	06/07/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
445	HS1014048659	Hà Bảo Châu	1	3		2		Nữ	02/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
446	HS1014746684	Nguyễn Huyền An	1	3		2		Nữ	27/05/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
447	HS1014746762	Phạm Bá Thanh	1	3		2		Nam	11/09/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
448	HS1014746719	Nguyễn Thị Phương Trang	2			1	3	Nữ	01/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
449	HS1014813635	Tạ Võ Gia Huy	1	3		2		Nam	06/07/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
450	HS1014746831	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	1	3		2		Nữ	05/12/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
451	HS1014048675	Nguyễn Thị Thanh Trúc	3			1	2	Nữ	13/11/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
452	HS1014746807	Su Ôn Adrong			1	2	3	Nữ	16/04/2011	Ê-đê	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
453	HS1014746702	Từ Phạm Bảo An	2		3	1		Nữ	27/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
455	HS1014048665	Đinh Nay Ngọc Bích	1	3		2		Nữ	19/08/2011	Ê-đê	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
456	HS1014746744	Trần Hoàng Danh	3		1	2		Nam	15/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
457	HS1015015258	Mai Trung Nghĩa	1	3		2		Nam	15/02/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
458	HS1014746733	Hồ Hoàng Quỳnh Trâm	3	1		2		Nữ	02/11/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
459	HS1014746732	Phạm Tiến Đạt	1	2		3		Nam	23/09/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
460	HS1014048695	Phạm Đồng Nghiêm	1	2		3		Nam	18/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
461	HS1014746751	Niê Đức Hoàng	2	3	1			Nam	03/11/2011	Ê-đê	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
462	HS1014746689	Nguyễn Ngọc Diệp	1	2			3	Nữ	19/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
463	HS1014746763	Phan Nguyễn Thanh Trúc	1		2	3		Nữ	23/11/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
464	HS1014746819	Adrong Niê Hành	3		2	1		Nữ	15/01/2011	Ê-đê	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
465	HS1014746820	Y' Ka Phin Ksor			1	3	2	Nam	09/09/2011	Ê-đê	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1
466	HS1014746796	Nguyễn Thanh Tân	3		1	2		Nam	09/10/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sở Ngô Quyền	Đỗ NV1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	nv1	nv2	nv3	nv4	nv5	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Trường THCS/ TH&THCS	Ghi chú
467	HS1014048690	Ksor Lê Hen Ry			1	3	2	Nam	01/11/2010	Gia-rai	Trường Trung Học Cơ Sớ Ngô Quyền	Đỗ NV1
468	HS1014746725	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1	2		3		Nữ	28/06/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sớ Ngô Quyền	Đỗ NV1
470	HS1014746834	Nguyễn Đình Quang	1	2			3	Nam	19/11/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sớ Ngô Quyền	Đỗ NV1
471	HS1014746706	Nguyễn Đức Chiến	1	2			3	Nam	01/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sớ Ngô Quyền	Đỗ NV1
472	HS1014746690	Trịnh Hoàng Duy	2			1	3	Nam	08/07/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sớ Ngô Quyền	Đỗ NV1
474	HS1014746717	Lê Thế Đan	1	2			3	Nam	11/09/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sớ Ngô Quyền	Đỗ NV1
475	HS1014746687	Nguyễn Cao Huy Hiệu	1	2		3		Nam	23/02/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sớ Ngô Quyền	Đỗ NV1
476	HS1014746720	Huỳnh Nhật Thiên Hương	1		3	2		Nữ	14/03/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sớ Ngô Quyền	Đỗ NV1
478	HS1014746832	Ngô Đức Mạnh	1	3		2		Nam	15/01/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sớ Ngô Quyền	Đỗ NV1
479	HS1014746703	Trần Bảo Tuệ Mẫn	1			3	2	Nữ	06/05/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sớ Ngô Quyền	Đỗ NV1
480	HS1014746766	Đặng Vũ Duy Nguyên			1	2	3	Nam	25/03/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sớ Ngô Quyền	Đỗ NV1
482	HS1014048692	Trần Chu Khánh Vy	1	2			3	Nữ	14/09/2011	Kinh	Trường Trung Học Cơ Sớ Ngô Quyền	Đỗ NV1
483	HS1014746769	Bùi Tuấn Đạt	2		1		3	Nam	28/02/2011	Mường	Trường Trung Học Cơ Sớ Ngô Quyền	Đỗ NV1
484	HS1014746808	Nay H' Linh	3		1	2		Nữ	22/04/2011	Ê-đê	Trường Trung Học Cơ Sớ Ngô Quyền	Đỗ NV1